

Phân hai

GỢI Ý DẠY HỌC

TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Nắm được những kiến thức chung nhất, tổng quát nhất về hai bộ phận của văn học Việt Nam (văn học dân gian và văn học viết) và quá trình phát triển của văn học viết Việt Nam (văn học trung đại và văn học hiện đại).
- Nắm vững hệ thống vấn đề về :
 - + Thể loại của văn học Việt Nam
 - + Con người Việt Nam qua văn học
 - Bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá của dân tộc qua di sản văn học được học. Từ đó, có lòng say mê đối với văn học Việt Nam.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Bài này có tính chất khái quát, mang tính lí thuyết cao, nhiều luận điểm trừu tượng nên có thể khó hiểu, khó tiếp thu đối với HS. GV cần chủ động vận dụng các kiến thức văn học sử cụ thể, nhất là các kiến thức mà HS đã biết, đã học từ các lớp dưới để minh họa cho các luận điểm khái quát trong bài, tạo ra sự sinh động, hấp dẫn cho bài giảng.

Xét về chức năng bài học, bài Tổng quan không trình bày các giai đoạn, các thời kì lịch sử văn học (tránh trùng lặp với ba bài khái quát về ba thời kì của văn học viết trong sách Ngữ văn các lớp 10, 11, 12). Ba thời kì đó là :

- Văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.
- Văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Văn học từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

Văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX xét về loại hình là “văn học trung đại”. Hai thời kì tiếp theo, tuy mỗi thời kì có một số đặc điểm riêng, song đều nằm trong xu hướng hiện đại hoá chung nên có thể gọi là “văn học hiện đại”.

Nhiệm vụ của bài Tổng quan là nêu lên một bức tranh văn học chung : văn học Việt Nam có hai bộ phận là văn học dân gian và văn học viết. Trong văn học viết, có hai kiểu loại văn học khác nhau : văn học trung đại và văn học hiện đại.

Cần lưu ý hai khái niệm *văn học trung đại* và *văn học hiện đại*. Đây là hai khái niệm quy ước dùng để chỉ hai kiểu văn học khác nhau chứ không hàm nghĩa đánh giá hay so sánh hơn kém. Với hai khái niệm này, HS sẽ có một cái nhìn văn hoá đối với văn học Việt Nam. Văn học trung đại là sản phẩm của văn hoá phương Đông, còn văn học hiện đại là sản phẩm của sự kết hợp giữa văn hoá phương Đông truyền thống và văn hoá phương Tây. Văn học hiện đại tuy có kế thừa nhiều yếu tố của văn học trung đại nhưng cũng có những thay đổi quan trọng (SGK chọn 4 tiêu chí để so sánh sự khác nhau giữa văn học trung đại và văn học hiện đại – xem mục II. 2, *Ngữ văn 10*, tập một).

Cũng phải nói là sự phân loại trên có tính tương đối, nhất là ở bước chuyển tiếp từ văn học trung đại sang văn học hiện đại trên thực tế có giai đoạn giao thời khoảng ba mươi năm đầu thế kỉ XX. Trong giai đoạn đó, cái cũ và cái mới giao tranh, nhưng xu thế chung là cái mới thắng lợi. Do vậy, có thể coi giai đoạn giao thời này thuộc về văn học hiện đại.

Để tránh trùng lặp nội dung với ba bài khái quát về ba thời kì của văn học viết và bài khái quát về văn học dân gian, bài Tổng quan chỉ trình bày sự thể hiện con người Việt Nam qua văn học. Đây là cách hệ thống hoá có ưu điểm vì suy cho cùng văn học là nhân học. Đời sống lao động và tư tưởng, tình cảm của con người có thể quy về bốn mối quan hệ như SGK đã trình bày. Mô tả con người Việt Nam trong bốn quan hệ cơ bản thực chất là hệ thống hoá những nội dung lớn của văn học Việt Nam và một số hình tượng nghệ thuật quan trọng.

Một đặc điểm khác là bài này có nhắc đến nhiều hiện tượng văn học (ví dụ văn học yêu nước và cách mạng, Thơ mới, tiểu thuyết Tự lực văn đoàn,...). Nếu nêu hết tên tuổi các tác giả, tác phẩm tiêu biểu, bài viết sẽ cồng kềnh. GV cần chủ động chọn lựa một số dẫn chứng. Chẳng hạn, về văn học yêu nước và cách mạng, có thể dẫn chứng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Tố Hữu (thời kì trước 1945). Về Thơ mới, có thể dẫn các tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên,...

2. Trọng tâm bài học

a) HS cần biết hai bộ phận cấu thành của văn học Việt Nam là văn học dân gian và văn học viết với hệ thống thể loại của mỗi bộ phận đó, không yêu cầu trình bày

quá kĩ những vấn đề chi tiết vì các bài khái quát về văn học dân gian và văn học viết tiếp sau đó trong sách *Ngữ văn 10* và các sách *Ngữ văn 11, 12* sẽ trình bày.

b) Trọng tâm của bài học : HS nhận thức được văn học viết Việt Nam có văn học trung đại và văn học hiện đại : văn học trung đại tương ứng với khung thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX ; văn học hiện đại bắt đầu từ đầu thế kỉ XX cho tới ngày nay.

HS cần nắm được một số sự khác biệt giữa hai loại hình văn học này (bốn tiêu chí so sánh).

c) Một trọng tâm khác là con người Việt Nam qua văn học.

HS cần nắm được các nội dung chính của bốn mục đề cập đến bốn quan hệ phổ biến của con người Việt Nam qua văn học. Tuy tập trung làm nổi bật một vài nét tiêu biểu, song bốn mục này cũng có đề cập ở dạng sơ giản sự vận động, thay đổi trong lịch sử của các mối quan hệ đó. Chẳng hạn, mục 3 viết về xã hội lí tưởng có nói đến ước mơ về xã hội Nghiêng – Thuần của con người trong văn học trung đại, còn trong văn học hiện đại, đó là lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Mục 4 viết về ý thức về bản thân con người : con người cộng đồng, chủ nghĩa khắc kỉ là mẫu hình lí tưởng của nhà nho, song đến thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, văn học đã đề cao con người ít nhiều có nét cá nhân, dám nói đến tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Nói tóm lại, con người Việt Nam trong văn học cũng có thay đổi trong lịch sử. Tuy vậy, đây là điều khó hiểu đối với trình độ nhận thức của HS, vì thế GV tuỳ tình hình cụ thể của địa phương mà cân nhắc có nên nói về sự vận động thay đổi này hay không. Yêu cầu chung là HS nắm được một vài nét tiêu biểu của con người Việt Nam trong bốn quan hệ đã nói.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV cần nghiên cứu kỹ bài Tổng quan, nắm được một số luận điểm khái quát chính và tìm một số kiến thức cụ thể để giúp cho HS dễ nắm bắt. Ví dụ : một luận điểm đề cập đến ý thức về *bản thân* của con người Việt Nam qua văn học, có thể lấy kiến thức cụ thể, chẳng hạn về quan niệm sống – chết. Người nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* hoặc người lính Tây Tiến đều không sợ hi sinh khi chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong trường hợp sẵn sàng hi sinh vì sự nghiệp chung của đất nước, cái chết đó càng có ý nghĩa sâu sắc. Nhưng có trường hợp sẵn sàng chết để tỏ ra trung thành với vua chúa (như Lí Trần Quán trong *Hoàng Lê nhất thống chí*) thì cái chết rất ít ý nghĩa. Ngoài quan niệm sống – chết, con người trong văn học Việt Nam xưa nay còn tìm kiếm mô hình ứng xử trong tình yêu. Văn học trung đại đã trải qua một thời kì dài nhiều thế kỉ, đến thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX mới đặt ra vấn đề về tình yêu tự do, quyền được hưởng hạnh phúc lứa đôi (qua các khúc ngâm, thơ Hồ Xuân Hương, *Truyện Kiều*).

Tóm lại, về phương pháp dạy học, đối với loại bài khái quát như bài này, GV cần đầu tư công sức chuẩn bị kỹ, tìm các kiến thức cụ thể đã biết để tạo không khí sinh động, nhẹ nhàng cho bài học.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Trước hết, cho HS đọc bài tại lớp với yêu cầu HS ghi chép vào vở tóm tắt các ý chính của bài mà HS cho là quan trọng (luyện tập khả năng tóm tắt và nhận diện trọng tâm). Sau đó cho một vài em đọc ghi chép của mình. Các bạn HS khác cần lắng nghe để góp ý bổ sung hoặc đặt câu hỏi tranh luận với bạn vừa trình bày. GV lắng nghe và nhận xét, kết luận. Trong phần kết luận, GV cần nêu lên dàn ý đại cương cũng như các phần trọng tâm của bài Tổng quan và giải đáp thắc mắc của HS nếu có. Lưu ý : yêu cầu HS vận dụng các kiến thức văn học sử cụ thể đã học để minh họa cho các luận điểm khái quát trong bài.

b) Những điểm khó hiểu đối với HS là những phần liên quan đến nhận định về hai loại hình của văn học Việt Nam và sự thể hiện con người Việt Nam trong bối cảnh quan hệ cơ bản. Gợi ý chuẩn bị :

Để giảng cho rõ sự thay đổi từ văn học trung đại sang văn học hiện đại, cần lấy một vài mốc lịch sử tiêu biểu nhất và phân tích tác động của nó đến văn học. Ví dụ sự kiện Pháp xâm lược và đô hộ nước ta đã ảnh hưởng nhiều mặt đến văn học. Khoa cử chữ Hán đã chấm dứt ở Bắc Kì năm 1915, ở Trung Kì năm 1918. Do đó những người học chữ Hán ít dần. Trong khi đó, lớp trí thức học tiếng Pháp ngày một đông đảo. Qua tiếng Pháp, lớp trí thức mới này tiếp xúc với văn học châu Âu, trước hết là văn học Pháp nên họ chịu ảnh hưởng của văn học Pháp và châu Âu. Tất nhiên, văn học Trung Quốc vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến văn học Việt Nam. Trong thế kỉ XX, văn học Nga Xô viết, rồi văn học Mĩ – La-tinh cũng có tác động đến văn học nước ta. Song xu thế vận động chung là nền văn học Việt Nam hiện đại hoá, quốc tế hoá. Đó mới chỉ là một nhân tố quan trọng (tác giả) khiến cho nền văn học mới khác nền văn học cũ. Nếu đi sâu phân tích hơn, cần nói đến cuộc khai thác thuộc địa đã dẫn đến sự hình thành các đô thị, sự xuất hiện tầng lớp thị dân, trí thức tiểu tư sản và giai cấp vô sản. Nếu tác giả văn học trung đại không sống bằng nghề văn thì các nhà văn hiện đại đã lấy việc viết văn làm nghề. Tân Đà viết nhiều về việc đem văn chương bán phổ phường (ví dụ : *Mười mấy năm xưa ngon bút lông – Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng – Bây giờ anh đổi lông ra sắt – Cách kiếm ăn đời có nhọn không*). Các vấn đề đặt ra trong văn học hiện đại do đó cũng khác văn học trung đại : con người có ý thức cá nhân (thể hiện trong thơ mới 1932 – 1945), đấu tranh với các quan niệm cũ về gia đình vốn gò bó, trói buộc tình yêu (trong một số tác phẩm Tự lực văn đoàn). Sự hình thành và phát triển của tầng lớp công nhân vô sản, sự tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã đem lại nội dung mới cho văn học cách mạng

chống Pháp và chống Mĩ so với văn học yêu nước thời trung đại. Cũng cần phân tích sự đổi mới về thể loại trong văn học hiện đại so với thể loại trong văn học trung đại. Tiểu thuyết chương hồi và văn xuôi chữ Hán trong văn học trung đại tuân thủ trật tự thời gian, sự kiện nào xảy ra trước được kể trước, việc xảy ra sau được kể sau. Nhưng kết cấu tiểu thuyết trong văn học hiện đại theo quy luật tâm lí, có thể đảo lộn trật tự thời gian. Thơ Đường luật của văn học trung đại có niêm luật và hạn định số câu chữ rất chặt chẽ. Thơ mới và thơ hiện đại nói chung tương đối tự do về vần, nhịp, về số câu trong bài thơ, số chữ trong câu. Kịch nói hiện đại khác với kịch hát truyền thống. Về thi pháp, GV có thể lấy ví dụ từ một vài tác giả, tác phẩm cụ thể để minh họa cho đặc điểm *ước lệ* của văn học trung đại và đặc điểm *hiện thực* của văn học hiện đại. Chẳng hạn so sánh việc tả chân dung nhân vật trong *Truyện Kiều* (chọn chân dung Thuý Kiều) và chân dung nhân vật của Nam Cao (ví dụ chân dung của Chí Phèo, thị Nở) để phân tích, chỉ rõ hai quan niệm tả khác nhau. Với chân dung Thuý Kiều, Nguyễn Du dùng công thức có sẵn để tả ; còn đối với Chí Phèo, thị Nở thì Nam Cao lại tả chi tiết, tả thực. Sau khi GV đã lấy một ví dụ để phân tích, có thể yêu cầu một HS khá giỏi thử phân tích bằng ví dụ của chính HS đó nghĩ ra để tìm sự khác biệt giữa văn học trung đại và văn học hiện đại.

c) Về mục III. *Con người Việt Nam qua văn học :*

Giúp cho HS *hiểu* được vấn đề : văn học là nhân học. Đối tượng trung tâm của văn học là con người. Nhưng không hề có con người trừu tượng mà chỉ có con người tồn tại trong bốn mối quan hệ cơ bản. Mỗi quan hệ này chi phối các nội dung chính của văn học, có ảnh hưởng đến việc xây dựng hình tượng văn học.

Chẳng hạn, trong quan hệ của con người với thế giới tự nhiên, hình thành tình yêu thiên nhiên. Từ tình yêu thiên nhiên, hình thành các hình tượng nghệ thuật. Ví dụ các hình ảnh ẩn dụ *mận* và *đào* trong ca dao (*Bây giờ mận mới hối đào – Vườn hồng đã có ai vào hay chưa*) hay hình ảnh *hoa lê* trong *Truyện Kiều* (*Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần*) có thể phân tích như sau : từ quan sát trực tiếp (trực quan), các loài hoa quả trên lưu lại một ấn tượng đẹp. Từ đó, để chỉ đôi thanh niên nam nữ trẻ trung, người ta hay dùng *mận*, *đào*, *hoa lê*. Nói tóm lại, con người sống gắn bó với môi trường thiên nhiên và tìm thấy từ thiên nhiên những hình tượng nghệ thuật để thể hiện chính mình. Có vô vàn ví dụ như *sóng* được Xuân Quỳnh dùng để tả tình yêu "dữ dội và dịu êm", mùi hoa bưởi thơm phảng phất trong thơ Phan Thị Thanh Nhàn gợi liên tưởng đến tình yêu kín đáo và cũng rất đầm thắm của người con gái Việt Nam.

Trong quan hệ quốc gia dân tộc và quan hệ xã hội, con người Việt Nam đã hình thành hệ thống tư tưởng yêu nước và tư tưởng xã hội. Đến lượt mình, các tư tưởng đó lại chi phối đến các đề tài, hình tượng, nhân vật văn học.

Ý thức về bản thân của con người Việt Nam đã hình thành mô hình ứng xử và mẫu người lí tưởng liên quan đến con người cộng đồng, con người xã hội (hướng ngoại) hoặc con người cá nhân (hướng nội). Con người cộng đồng, con người xã hội thường gắn với lí tưởng hi sinh, cống hiến, phục vụ. Con người có nét cá nhân, hướng nội lại nhấn mạnh quyền sống cá nhân, hạnh phúc, tình yêu, ý nghĩa của cuộc sống trần thế,... Cả hai mẫu người này đều đã từng xuất hiện trong văn học Việt Nam, có ảnh hưởng đến các thể loại văn học (*ngâm khúc* ra đời đáp ứng nhu cầu tự bộc lộ của con người có thiên hướng đề cao hạnh phúc lứa đôi) và hình tượng văn học (hình tượng văn học nổi bật của con người cộng đồng là những nam nhi, nghĩa sĩ ; hình tượng văn học nổi bật của con người hướng nội, đề cao quyền sống trần thế lại là người phụ nữ).

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỌI Ý GIẢI BÀI TẬP

Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đã được trình bày trong SGK. Qua việc trả lời các câu hỏi cụ thể để đánh giá mức độ nắm vững bài học của HS. Câu 1 yêu cầu đọc kĩ bài học, biết vẽ sơ đồ ; câu 2 yêu cầu so sánh, chỉ ra một số nét khác biệt của hai loại hình văn học ; câu 3 yêu cầu HS biết vận dụng các hiểu biết về văn học Việt Nam để minh họa cho vấn đề con người trong văn học Việt Nam.